

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DSST

Ngày: 30-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Hội Nông dân huyện B; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội Nông dân huyện B), vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:**

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp K, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1965; địa chỉ: K, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Căn cứ nhu cầu vay vốn của hội viên nông dân, Hội Nông dân huyện B phân bổ vốn Quỹ hỗ trợ nông dân nguồn ngân sách tỉnh ủy thác cho Hội Nông dân xã Lai Hưng, số tiền 600.000.000 đồng, mục đích là chăm sóc cao su.

Căn cứ vốn phân bổ, Hội Nông dân xã Lai Hưng tiến hành họp xét và phân bổ về các Chi Hội Nông dân trực thuộc: ấp Cầu Sắt, Bến Tượng, Cầu Đôi và Lai Khê. Hộ bà Nguyễn Thị Thu H tại ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, là hội viên nông dân Chi Hội Nông dân ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng và được Chi Hội Nông dân ấp Lai Khê họp xét và lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân nguồn tỉnh ủy thác gửi về Hội Nông dân xã.

Ngày 25/9/2017, Ban Thường vụ Hội Nông dân xã Lai Hưng đã tổ chức họp các hội viên đã được các chi hội bình xét vay vốn để thành lập Ban quản lý dự án và đã hướng dẫn hộ bà Nguyễn Thị Thu H viết giấy đề nghị vay vốn, số vốn đề nghị vay là 30.000.000 đồng, thời gian vay 36 tháng, mục đích chăm sóc cao su; người thừa kế là ông Trần Thanh T1 - cH bà Nguyễn Thị Thu H; được Hội Nông dân xã và Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng ký xác nhận Giấy đề nghị vay vốn ngày 25/9/2017. Cơ sở bảo đảm tiền vay: bằng tín chấp của Hội Nông dân xã Lai Hưng. Hội Nông dân xã Lai Hưng đã lập tờ trình Dự án và hồ sơ vay vốn của các hộ vay gửi về Quỹ hỗ trợ nông dân huyện tổng hợp báo cáo về Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/11/2017, Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Dương ủy quyền cho Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện Bàu Bàng và Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân huyện Bàu Bàng thẩm định Dự án chăm sóc cao su xã Lai Hưng, số tiền 600.000.000 đồng, phí cho vay 0.5%/tháng, 3 tháng thu 1 lần. Các hộ đủ điều kiện vay vốn.

Căn cứ Quyết định số 867-QĐ/HNDT ngày 20/11/2017 của Hội Nông dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Dự án vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân nguồn tỉnh xoay vòng. Ngày 22/11/2017, Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân huyện phối hợp với Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Dương giải ngân nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân cho Hội Nông dân xã Lai Hưng, số tiền 600.000.000 đồng cho 20 hội viên nông dân xã Lai Hưng, phí cho vay 0.5%/tháng, 3 tháng thu 1 lần trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Thu H (có danh sách nhận tiền vay và Hợp đồng vay vốn kèm theo).

Từ ngày 22/11/2017 sau khi nhận vốn, hộ bà Nguyễn Thị Thu H đã đóng tiền phí đầy đủ. Kể từ ngày 22/08/2018, Hội Nông dân huyện không liên hệ được với bà Nguyễn Thị Thu H và không thu phí được. Đến tháng 10/2020, Hội Nông dân huyện liên hệ với bà Nguyễn Thị Thu H để đôn đốc, nhắc nhở thu gốc

nhưng bà H và ông T1 không gặp, né tránh, có thái độ không hợp tác nên không thể làm việc và nắm bắt tâm tư nguyện vọng của gia đình bà H như thế nào.

Đến ngày 20/01/2021, hộ bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ số tiền gốc, phí là: 33.500.000 đồng, trong đó: dư nợ gốc là 30.000.000 đồng; nợ phí là 3.500.000 đồng kèm theo các biên bản làm việc, khoan nợ gốc.

Căn cứ Hợp đồng vay vốn đã ký, hộ bà Nguyễn Thị Thu H đã vi phạm hợp đồng tín dụng, Hội Nông dân huyện, Quỹ hỗ trợ nông dân huyện Bàu Bàng đã phối hợp với UBND xã Lai Hưng, Hội Nông dân xã lập biên bản và xử lý nhiều lần nhưng hộ vay vẫn không phối hợp, không trả nợ. Đến ngày 21/01/2021, Hội Nông dân huyện, Quỹ hỗ trợ nông dân huyện Bàu Bàng phối hợp UBND xã Lai Hưng, Hội Nông dân xã Lai Hưng tiếp tục mời hộ bà Nguyễn Thị Thu H làm việc và gặp được ông Trần Thanh T1 (chồng bà H, là người thừa kế khoản vay) để thông báo cho hộ biết nhưng hộ bà H vẫn không thanh toán khoản vay.

Nay, nguyên đơn Hội Nông dân huyện B yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau: Yêu cầu bà H và ông T1 trả cho Hội nông dân huyện B số tiền là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình gồm: hợp đồng vay vốn và giấy đề nghị vay vốn ngày 22-11-2017; Danh sách các hộ nhận tiền vay vốn quỹ hỗ trợ nông dân ngày 22-11-2017; Hợp đồng ủy thác cho vay vốn hỗ trợ nông dân ngày 22-11-2017; biên bản kiểm tra vốn vay các ngày 21 và 24-11-2020; biên bản làm việc ngày 21-11-2020.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, thông báo về cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và đơn xin vắng mặt, các bị đơn vắng mặt.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Hội Nông dân huyện Bàu Bàng khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; các bị đơn có nơi cư trú tại ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì, vì vậy các bị đơn phải chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét hình thức của hợp đồng: Hợp đồng vay giữa Hội Nông dân huyện B với bà H, ông T1 lập ngày 22-11-2017, tiêu đề của hợp đồng là “Hợp đồng vay vốn áp dụng cho hộ gia đình”. Cho nên, về hình thức hợp đồng vay được lập giữa Hội Nông dân huyện B với bà H, ông T1 là có giá trị pháp lý, phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét nội dung của hợp đồng: Theo hợp đồng vay vốn áp dụng cho hộ gia đình đề ngày 22-11-2017 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn áp dụng cho hộ gia đình ngày 22-11-2017 thể hiện bên cho vay tiền là Hội Nông dân huyện B, bên vay tiền là chủ hộ bà Nguyễn Thị Thu H và người thừa kế là ông Trần Thanh T1 với nội dung: tổng số tiền cho vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22-11-2020, phí cho vay là 0,5%/tháng, phí quá hạn 130%/tháng, tiền trả phí là 03 tháng/ lần; nợ gốc tiền vay được trả 01 kỳ vào ngày 22-11-2020; phát tiền vay bằng tiền mặt là 30.000.000 đồng; mục đích vay là sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh đã được nêu trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh và giấy đề nghị này là bộ phận không tách rời của hợp đồng này; hình thức bảo đảm tiền vay là vay bằng tín chấp. Ngày 22-1-2017, hộ bà H nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng theo Danh sách các hộ nhận tiền vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân dự án chăm sóc cao su xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng. Quá trình vay từ đến ngày 22/08/2018 đến ngày 22/11/2020, hộ bà H không thanh toán tiền phí cho vay hàng tháng theo thỏa thuận và số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng cho Hội nông dân huyện Bàu Bàng là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng vay đã ký ngày 22-11-2017.

[4] Xét nghĩa vụ thanh toán, đối với khoản vay số tiền 30.000.000 đồng như phân tích ở trên, đây là nợ chung của bà H và ông T1 trong thời kỳ hôn nhân nên bà H và ông T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng trả cho Hội nông dân huyện B số tiền gốc 30.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất, thấy rằng: theo hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận phí vay là 0,5%/tháng. Đối với tiền lãi suất của khoản vay 30.000.000 đồng với thời gian tính lãi từ ngày 22-11-2018 đến ngày 22-11-2020 là 24 tháng được tính như sau: 30.000.000 đồng x 0,5%/tháng x 24 tháng = 3.600.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền phí vay (lãi suất) là 3.500.000 đồng do khấu trừ số tiền còn dư của kỳ trước 100.000 đồng là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện khấu trừ của nguyên đơn.

[6] Xét hợp đồng vay giữa các đương sự là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất. Khi giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; tham gia ký kết hợp đồng một cách tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên điều khoản về vay tiền trong hợp đồng trên là có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa hai bên.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội nông dân huyện B, có cơ sở buộc bà H và ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Hội nông dân huyện B số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 3.500.000 đồng là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Đối với tiền lãi suất (phí vay) từ ngày 22-11-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 96, các Điều 147, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội Nông dân huyện B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Hội Nông dân huyện B số tiền 33.500.000 (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó: nợ gốc là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, số tiền lãi chậm trả là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng vay vốn áp dụng cho hộ gia đình đề ngày 22-11-2017.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hội Nông dân huyện B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Trần Thanh T1 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.675.000 (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng

